

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày: 04/6/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và bà Võ Thị Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chí Công - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện VKSND huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Thông báo số 24/2020/TB-TA ngày 21/5/2020 về việc mở lại phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: V; sinh ngày 30/4/1983 tại tỉnh Đắk Nông; nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954, trú tại: Thôn 10, xã N, huyện Đ và bà Cao Thị Hồng Ph (Đã chết); Vợ: Cao Thị H (Đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019; cùng trú tại huyện Đ, tỉnh Đ; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2019 đến ngày 01/10/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Song; có mặt.

2. Họ và tên: Ph; sinh ngày 05/9/1996 tại tỉnh Đắk Nông; nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1976, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Vợ: Hồ Thị Thảo H, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2018, cùng trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2019 đến ngày 01/10/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam đến ngày 15/01/2020 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh, hiện đang tại ngoại; có mặt.

3. Họ và tên: Kh; sinh ngày 06/9/1982 tại tỉnh Đắk Nông; nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Q, sinh năm 1935 và bà Trần Thị D, sinh năm 1944, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vợ: H, sinh năm 1984 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019; cùng trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Ph và bị cáo Kh: Ông Kh - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Pháp lý, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Th; sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. Anh B, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

3. Anh Ph, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

4. Chị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 27, P. M, Tp. L, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

5. Anh L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:*

1. Anh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Th Tình, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

2. Ông Kh, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

3. Chị X, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

4. Ông P, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

5. Anh T, sinh năm 1975; địa chỉ: 248/1A T, P. Th, Tp. B, Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người có nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Anh L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

3. Anh C, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Đắk Nông; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Đắk Nông; vắng mặt.

2. Chị D; sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

V rủ Ph đi trộm cắp sầu riêng để bán lấy tiền tiêu xài thì Ph đồng ý. Khoảng 18 giờ ngày 21/09/2019, V điều khiển xe ô tô bán tải hiệu Ford Ranger màu bạc, biển kiểm soát (BKS) 47C - 175.11 (V thuê của anh T vào ngày 10/9/2019) chở Ph đi ăn tối, sau đó cả hai đi tới nhà nghỉ H thuộc thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để ngủ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, V điều khiển xe ô tô chở Ph đi

về hướng ngã ba Đồn Tám, đi vào khu vực rẫy trồng sầu riêng của gia đình anh Nguyễn Thanh Ph tại thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (rẫy Sầu riêng này anh Ph đã bán lại cho chị H) thì V dừng xe cách rẫy khoảng 70 m. V xuống xe lấy giỏ xách, dao Thái Lan, kéo cắt sắt cộng lực và bao tay đã chuẩn bị sẵn đi vào rẫy sầu riêng của anh Ph cắt trộm sầu riêng. V trèo lên cây sầu riêng dùng dao Thái Lan cắt cuống cho quả sầu riêng rơi xuống, còn Ph đứng dưới đất hứng và xếp thành đống. Khoảng 02 giờ sau, V cắt được 140 quả sầu riêng trên khoảng 05 cây sầu riêng thì dừng lại. V xuống chỗ sắp đống sầu riêng cắt cuống quả sầu riêng và cùng với Ph cho số sầu riêng này vào giỏ xách. Sau đó, V ra chỗ để xe ô tô lùi xe vào và cùng với Ph khiêng số sầu riêng đã cắt trộm lên thùng xe ô tô bán tải rồi đi về. Khi về đến ngã ba Đồn Tám thuộc xã Th, huyện Đ thì V và Ph bị người dân phát hiện, bắt giữ bàn giao cho Đồn Biên phòng 763 và thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Song để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/HĐ-ĐG ngày 23/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá của 400 kg sầu riêng Dona là 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

Trong quá trình điều tra, V khai nhận đã thực hiện thêm 04 vụ (cùng Ph 03 vụ, cùng Kh 01 vụ) trộm cắp tài sản khác trên địa bàn xã Th, huyện Đ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 12/09/2019, V điều khiển xe ô tô BKS 47C - 175.11 chở Ph đến thôn Th, xã Th đến rẫy sầu riêng của anh H (Anh H đã bán lại cho ông Th) và rẫy sầu riêng của anh L. V trèo lên cây cắt sầu riêng còn Ph ở dưới hứng và xếp thành đống. V cắt được khoảng 150 quả sầu riêng Dona, sầu riêng Thái Lan thì dừng lại và cùng Ph gom bỏ vào giỏ nhựa. Sau đó, V lùi xe tới và cả hai khiêng sầu riêng lên thùng xe bán tải, che bạt lại. V điều khiển xe chở Ph đi về nhà nghỉ Hoàng Hôn để ngủ. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/09/2019, V và Ph chở số sầu riêng đã cắt trộm được bán cho một người thu mua sầu riêng (không rõ nhân thân lai lịch) ở thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được 500 kg, thành tiền là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). V chia cho Ph 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), V giữ lại 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), cả hai đã tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 14/09/2019, V điều khiển xe ô tô BKS 47C - 175.11 chở Ph đi trộm cắp sầu riêng. Cả hai đi vào thôn Th, xã Th thì V dừng xe lại và đỗ xe ở ngoài đường quốc lộ 14C. V và Ph đi bộ vào khoảng 500 mét thì đến rẫy trồng sầu riêng của anh B. Tại đây, với cách thức tương tự các lần khác, cả hai cắt trộm được khoảng 160 quả sầu riêng Dona và sầu riêng Thái Lan thì dừng lại, thu gom lên thùng xe ô tô bán tải và chở về nhà nghỉ H để ngủ. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/09/2019, V chở Ph cùng số sầu riêng đi bán cho Th được 478 kg thành tiền là 15.300.000 đ (*Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng*). V chia cho Ph 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), V giữ lại 12.300.000 đ (*Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*), cả hai đã tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Sáng ngày 18/09/2019, V gặp Kh tại quán cà phê Dốc Dầu, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. V nói với Kh là “*Có đi buôn sầu riêng không cần vốn không, cứ đi với V, mọi chuyện cứ để V lo*” thì Kh đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, V điều khiển xe ô tô BKS 47C-175.11 đến chở Kh đi nhậu, sau đó cả hai đi đến nhà nghỉ Hoàng Hôn, V vào mở cửa phòng và nói với Kh “*Vào nghỉ đi, khi nào đi làm thì tao gọi dậy*”. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, V gọi Kh dậy đi làm,

Kh hỏi: “Sao lại đi làm buổi tối” thì V trả lời: “Đi buôn sầu riêng không mất vốn mà”. Lúc này, Kh hiểu là V rủ đi cắt trộm sầu riêng. Kh lưỡng lự không muốn đi, nhưng nghe V nói “Lỡ rồi thì đi kiếm ít đồng về mà xài” nên Kh đồng ý. V chở Kh đi vào thôn Th, xã Th thì dừng xe lại, Kh xuống xe và cầm theo giỏ nhựa, kìm cộng lực, dao Thái Lan, găng tay còn V lái ô tô lên dốc rồi dừng lại. V và Kh đi bộ vào vườn sầu riêng của anh Kh (Anh Kh đã bán sầu riêng cho ông Th). Kh trèo lên cây sầu riêng giật cuống cho quả rơi xuống, còn V đứng ở dưới hứng và xếp thành đồng đồng thời giật những quả ở gần mặt đất. Kh cắt được khoảng mười mấy quả sầu riêng thì dừng lại và V trèo lên cắt được khoảng 60- 70 kg nữa. Lúc này, Kh can ngăn V không hái nữa nhưng V vẫn tiếp tục hái. V và Kh cắt trộm được khoảng 160 quả sầu riêng Dona và sầu riêng Thái thì dừng lại, thu gom lên thùng xe ô tô và chở về nhà nghỉ H để ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 19/09/2019, V chở Kh cùng số sầu riêng đi bán cho Trần Duy Lâm được 487 kg, thành tiền là 12.918.000đ (Mười hai triệu chín trăm mười tám nghìn đồng). V chia cho Kh 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng), V giữ lại 7.318.000đ (Bảy triệu ba trăm mười tám nghìn đồng), V đã tiêu xài cá nhân hết, Kh đã nộp lại 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 19/09/2019, V dùng xe ô tô BKS 47C - 175.11 chở Ph từ nhà nghỉ H đến thôn Th, xã Th, huyện Đ. V để xe ô tô bán tải ở đường rồi cùng Ph đi bộ vào rẫy trồng sầu riêng của bà X (Bà X đã bán lại cho ông Ph). Với cách thức tương tự các lần khác, cả hai cắt trộm được khoảng 180 quả sầu riêng Dona và sầu riêng Thái Lan, thu gom lên thùng xe ô tô bán tải và chở về nhà nghỉ Hoàng Hôn để ngủ. Đến khoảng 7 giờ 30 phút ngày 20/09/2019, V chở Ph và số sầu riêng đi bán cho L, được 545 kg thành tiền là 14.030.000đ (Mười bốn triệu không trăm ba mươi ngàn đồng). Tuy nhiên L chưa có tiền nên chưa trả cho V, vì vậy V cũng chưa chia tiền cho Ph. Sau đó, C đã đến gặp L lấy số tiền này để trừ nợ số tiền do V nợ C trước đó, C đã chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) xe ô tô bán tải, màu bạc, hãng Ford Ranger, BKS 47C - 175.11; 140 (Một trăm bốn mươi) quả sầu riêng cân nặng 400kg, loại sầu riêng DONA, sầu riêng Thái Lan; 01 (Một) điện thoại di động màu đen, hãng NOKIA của Ph; 01 (Một) kéo sắt cộng lực, hiệu WYNN'STOOL, cán màu xanh được bọc nhựa, màu đen ở đầu, đã qua sử dụng; 01 (Một) khung cửa có hiệu BERRYLION, màu bạc, khung dài 45cm, lưỡi cửa dài 30cm, đã qua sử dụng; 01 (Một) cây kim loại tròn, đường kính 03cm, dài 122 cm; 02 (Hai) giỏ nhựa màu xanh, đỏ, vàng, kích thước 70cm x 40cm x 30cm; 01 (Một) giỏ nhựa màu xanh vàng, kích thước 70cm x 40cm x 30cm; 01 (Một) giỏ nhựa màu xanh vàng, kích thước 80cm x 50cm x 35cm; 02 (Hai) giỏ nhựa màu xanh đỏ, kích thước 90cm x 60cm x 40cm; 01 (Một) dao Thái Lan cán màu vàng, dài 22cm; 01 (Một) tập học sinh hiệu TT Book, kích thước 20,5cm x 15,5cm; 02 (Hai) găng tay màu đen, kích thước 22cm x 8cm và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung của V; số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) của V; 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) Kh đã nộp.

Tại kết luận định giá tài sản số 63/HĐ-ĐG ngày 12/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận:

Vụ thứ nhất: Giá trị thiệt hại tính thành tiền của 500 kg sầu riêng Dona, sầu riêng Thái tại thời điểm ngày 12/9/2019 là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Vụ thứ hai: Giá trị thiệt hại tính thành tiền của 478 kg sầu riêng Dona, sầu riêng thái tại thời điểm ngày 14/9/2019 là 15.296.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm chín sáu nghìn đồng*).

Vụ thứ ba: Giá trị thiệt hại tính thành tiền của 487 kg sầu riêng Dona, sầu riêng thái tại thời điểm ngày 18/9/2019 là 12.918.000 đồng (*Mười hai triệu chín trăm mười tám nghìn đồng*).

Vụ thứ tư: Giá trị thiệt hại tính thành tiền của 545 kg sầu riêng Dona, sầu riêng thái tại thời điểm ngày 19/9/2019 là 14.030.000 đồng (*Mười bốn triệu không trăm ba mươi ngàn đồng*).

Tổng giá trị tài sản bị cáo V tham gia trộm cắp là 73.244.000đ (*Bảy mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*); Ph tham gia trộm cắp là 60.326.000 đ (*Sáu mươi triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng*); Kh tham gia trộm cắp tài sản là 12.918.000đ (*Mười hai triệu, chín trăm mười tám nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 16/01/2020 của V kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo V và Ph về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Kh về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận V kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo V và bị cáo Ph về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Kh theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Đại diện V kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo như bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 16/01/2020: Truy tố các bị cáo V và Ph về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Kh về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện V kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo V, Ph và Kh phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 36; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ph từ 02 năm đến từ 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; các điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Kh từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song trả lại 01 (Một) xe ô tô bán tải, màu bạc, hãng Ford Ranger, BKS 47C - 175.11 cho anh T và 140 (Một trăm bốn mươi) quả sầu riêng cân nặng 400kg, loại sầu riêng DONA, sầu riêng Thái Lan cho chị H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) kéo sắt cộng lực, hiệu WYNN'STOOL, cán màu xanh được bọc nhựa, màu đen ở đầu, đã qua sử dụng; 01 (Một) khung cửa có hiệu BERRYLION, màu bạc, khung dài 45cm, lưới cửa dài 30cm, đã qua sử dụng; 01 (Một) cây kim loại tròn, đường kính 03cm, dài 122cm; 02 (Hai) giỏ nhựa màu xanh, đỏ, vàng, kích thước 70cm x 40cm x 30cm; 01 (Một) giỏ nhựa màu xanh vàng, kích thước 70cm x 40cm x 30cm; 01 (Một) giỏ nhựa màu xanh vàng, kích thước 80cm x 50cm x 35cm; 02 (Hai) giỏ nhựa màu xanh đỏ, kích thước 90cm x 60cm x 40cm; 01 (Một) dao Thái Lan cán màu vàng, dài 22cm; 02 (Hai) găng tay màu đen, kích thước 22cm x 8cm vì đây là những công cụ mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động màu đen, hãng NOKIA của Ph; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung của V là phương tiện V và Ph liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội.

- Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 5.500.000 đồng của V và 5.600.000 đồng của Kh để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo V bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì. Các bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Song, V kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại có mặt không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng tại phiên tòa, xét thấy bị hại là chị H, anh L; người có quyền lợi liên quan là anh H, ông Kh, chị X; ông Ph, anh T; người có nghĩa vụ liên quan là anh Th, anh L, anh C và người làm chứng là chị H, chị D vắng mặt tại phiên tòa không trở ngại cho việc xét xử vụ án, do đó, căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bị cáo V khai nhận từ ngày 12/9/2019 đến ngày 21/9/2019 đã 05 lần, bị cáo Ph 04 lần, bị cáo Kh 01 lần trộm cắp sâu riêng của người dân trên địa bàn xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Giá trị tài sản V trộm cắp trong 05 lần là 73.244.000 đồng; Ph trộm cắp trong 04 lần là 60.326.000 đồng; Kh trộm cắp 01 lần là 12.918.000 đồng, mỗi lần trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án. Các

chứng cứ buộc tội và ý kiến đề nghị của đại diện VKS đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo V và bị cáo Ph phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Kh phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được quyền đối với tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chỉ vì lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của bị hại, thấy việc trộm cắp tài sản dễ dàng mà các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản, công sức của người khác. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để các bị cáo có thời gian suy nghĩ, hối hận về việc làm sai trái của bản thân, đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo sống có ích, có ý thức tôn trọng pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Trong vụ án này các bị cáo V và Ph; V và Kh phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, tuy nhiên mức độ và vai trò của từng bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa trách nhiệm hình sự mới thể hiện tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật. Bị cáo V là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện, thời gian, địa điểm, kế hoạch phạm tội và thực hành tích cực nhất, số lần phạm tội nhiều nhất, bị cáo được hưởng lợi nhiều nhất sau khi tiêu thụ tài sản phạm tội mà có nên cần áp dụng mức hình phạt nặng nhất so với các bị cáo khác, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đủ sức răn đe và phòng ngừa chung. Bị cáo Ph sau khi được V rủ rê đã thực hiện hành vi phạm tội theo sự điều khiển của bị cáo V một cách phải tích cực nên cần áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo V. Bị cáo Kh đồng phạm 01 lần với bị cáo V, thực hành theo sự điều khiển của bị cáo V nhưng không tích cực, nửa chừng còn khuyên bị cáo V dừng lại nên cần áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất. Các bị cáo Ph, Kh có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, mà cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên HĐXX cần xem xét áp dụng.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo V và bị cáo Ph tự thú những lần phạm tội trước, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Ph và bị cáo Kh tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Kh phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Ph có bố được tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang và ông ngoại được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Ph 04 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo V, Ph bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo V trộm cắp liên tục 05 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng bị cáo không lấy việc chiếm đoạt tài sản của người khác làm nguồn sống chính nên HĐXX không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” theo điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ trả lại 140 quả sầu riêng, nặng 400kg, loại sầu riêng DONA, Thái Lan cho chị H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Cơ quan CSĐT CA huyện Đăk Song trả lại 01 (Một) xe ô tô bán tải, màu bạc, hãng Ford Ranger, BKS 47C - 175.11 cho anh T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu thu tiêu hủy: 01 (Một) kéo sắt công lực, hiệu WYNN'STOOL, cán màu xanh được bọc nhựa, màu đen ở đầu, đã qua sử dụng; 01 (Một) khung cửa có hiệu BERRYLION, màu bạc, khung dài 45cm, lưỡi cửa dài 30cm, đã qua sử dụng; 01 (Một) cây kim loại tròn, đường kính 03cm, dài 122cm; 02 (Hai) giỏ nhựa màu xanh, đỏ, vàng, kích thước 70cm x 40cm x 30cm; 01 (Một) giỏ nhựa màu xanh vàng, kích thước 70cm x 40cm x 30cm; 01 (Một) giỏ nhựa màu xanh vàng, kích thước 80cm x 50cm x 35cm; 02 (Hai) giỏ nhựa màu xanh đỏ, kích thước 90cm x 60cm x 40cm; 01 (Một) dao Thái Lan cán màu vàng, dài 22cm; 02 (Hai) găng tay màu đen, kích thước 22cm x 8cm là những công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động màu đen, hãng NOKIA của Ph; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sam Sung của V là phương tiện để V và Ph liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.500.000 đồng của V và 5.600.000 đồng của Kh để đảm bảo thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Tổng giá trị tài sản bị cáo V trộm cắp là 73 244.000 đồng, bị cáo Ph trộm cắp 60.326.000 đồng, bị cáo Kh trộm cắp 12.918.000.000 đồng. Bị cáo Ph đã tự nguyện bồi thường cho bị hại tổng số tiền 48.500.000 đồng và bị hại không yêu cầu gì thêm nên HĐXX ghi nhận không buộc bị cáo Ph phải tiếp tục bồi thường. Bị cáo Kh đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.600.000 đồng là số tiền bị cáo hưởng lợi từ việc trộm cắp tài sản của ông Thọ nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo bồi thường cho bị hại. Do đó HĐXX chỉ còn buộc bị cáo V bồi thường cho các bị hại số tiền 23.144.000 đồng, trong đó:

Bị hại là ông Th bị trộm cắp 02 vụ, bị cáo V và bị cáo Ph trộm cắp sâu riêng giá trị 15.000.000 đồng (kể cả phần tài sản trộm cắp của ông Lực); bị cáo V và bị cáo Kh trộm cắp tài sản trị giá 12.918.000 đồng, bị cáo Ph đã tự nguyện bồi thường 11.000.000 đồng, bị cáo Kh đã tự nguyện giao nộp 5.600.000 đồng để bồi thường, tại phiên tòa ông Thọ không yêu cầu bị cáo Ph, bị cáo Kh bồi thường thêm nên HĐXX không đề cập xem xét. Bị cáo V đề nghị được bồi thường số tiền còn lại 8.448.000 đồng cho ông Thọ và được ông Thọ chấp nhận nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

Ông L yêu cầu các bị cáo V, Ph bồi thường 2.870.000 đồng, bị cáo Ph đã tự nguyện bồi thường cho ông L 1.500.000 đồng, bị cáo V chấp nhận bồi thường 1.370.000 đồng nên HĐXX ghi nhận.

Ông B yêu cầu bị cáo V và bị cáo Ph bồi thường số tiền 43.750.000; nhưng kết quả định giá xác định được thiệt hại là 15.296.000 đồng nên HĐXX chỉ có căn cứ buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 15.296.000 đồng, bị cáo Ph đã tự nguyện bồi thường 8.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo V liên đới bồi thường cho ông Biểu số tiền 7.296.000 đồng.

Ông Ph yêu cầu bị cáo V và bị cáo Ph bồi thường số tiền 29.400.000 đồng; tuy nhiên kết quả định giá xác định được thiệt hại là 14.030.000 đồng nên HĐXX chỉ có căn cứ buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 14.030.000 đồng. Bị cáo Ph đã tự nguyện bồi thường 8.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo V liên đới bồi thường 6.030.000 đồng.

Chị H yêu cầu bị cáo V và bị cáo Ph bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên kết quả định giá xác định được thiệt hại là của chị H là 16.000.000 đồng, bị cáo Ph đã tự nguyện bồi thường cho chị H 20.000.000 đồng là nhiều hơn thiệt hại các bị cáo đã gây ra, do đó HĐXX không có căn cứ buộc bị cáo V tiếp tục bồi thường cho chị H.

Bị cáo Ph không yêu cầu bị cáo V hoàn trả số tiền đã liên đới bồi thường thay cho bị hại nên HĐXX không đề cập xem xét.

Đối với yêu cầu của anh T về việc buộc bị cáo trả tiền thuê xe từ ngày 10/9/2019 đến ngày nhận lại xe, anh T không có đơn yêu cầu cụ thể nên HĐXX không xem xét, anh T có quyền khởi kiện V trong một vụ án dân sự khác.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên HĐXX xét không cần thiết phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Anh T cho V thuê chiếc xe ô tô BKS 47C-175.11 nhưng không biết V sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

Anh Th, L đã mua sâu riêng của V, Ph, Kh nhưng không biết đây là tài sản các bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Anh C đến tiệm của anh L lấy số tiền 14.030.000 đồng nhưng không biết số tiền trên do bị cáo V phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Chị D bảo C đi lấy số tiền 14.030.000 đồng ở tiệm của L nhưng không biết do V trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chủ nhà nghỉ H không biết việc V thuê phòng và để xe ô tô bán tải 47C-175.11 chở sầu riêng trộm cắp tại nhà nghỉ, do đó không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét những chứng cứ buộc tội các bị cáo, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đưa ra cơ bản phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên HĐXX xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo V, Ph và Kh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo V 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 22/9/2019).

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ph 02 (Hai năm tù) nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Kh 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ph và bị cáo Kh cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đl, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 64 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song trả lại 140 quả sầu riêng trọng lượng 400kg, loại sầu riêng DONA, sầu riêng Thái Lan cho chị H và 01 xe ô tô bán tải, màu bạc, hãng Ford Ranger, BKS: 47C 175.11 cho anh T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) kéo sắt cộng lực, hiệu WYNN'STOOL, cán màu xanh được bọc nhựa, màu đen ở đầu, đã qua sử dụng; 01 (Một) khung cửa có hiệu BERRYLION, màu bạc, khung dài 45cm, lưỡi cửa dài 30cm, đã qua sử dụng; 01 (Một) cây kim loại tròn, đường kính 03cm, dài 122cm; 02 (Hai) giỏ

nhựa màu xanh, đỏ, vàng, kích thước 70cm x 40cm x 30cm; 01 (Một) giỏ nhựa màu xanh vàng, kích thước 70cm x 40cm x 30cm; 01 (Một) giỏ nhựa màu xanh vàng, kích thước 80cm x 50cm x 35cm; 02 (Hai) giỏ nhựa màu xanh đỏ, kích thước 90cm x 60cm x 40cm; 01 (Một) dao Thái Lan cán màu vàng, dài 22cm; 02 (Hai) găng tay màu đen, kích thước 22cm x 8cm.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động màu đen, hãng NOKIA của Ph; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sam Sung của V.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.500.000 đồng của V và 5.600.000 đồng của Kh để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/02/2020 giữa Công an huyện Đ và Chi cục THADS huyện Đ).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền 48.500.000 đồng của bị cáo Ph đối với các bị hại, trong đó bồi thường cho ông Th 11.000.000 đồng, bồi thường cho chị H 20.000.000 đồng, bồi thường cho ông L 1.500.000 đồng, bồi thường cho ông B 8.000.000 đồng; bồi thường cho ông Ph 8.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Kh bồi thường cho ông Th số tiền 5.600.000 đồng.

Buộc bị cáo V bồi thường cho các bị hại số tiền 23.144.000 đồng, trong đó: Bồi thường cho ông Th 8.448.000 đồng, ông L 1.370.000 đồng, ông B 7.296.000 đồng; ông Ph 6.030.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tách yêu cầu trả tiền thuê xe của anh T trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo V, Ph và Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo V phải chịu 1.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Kh phải chịu 280.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHAN THỊ TRÚC LINH